

Số: 160/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức  
hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 253/BC-BPC ngày 06/7/2018 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018 như sau:

1. Tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hưng Yên năm 2018 được Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018: 1.806 biên chế.

2. Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018: 1.798 biên chế (giảm 08 biên chế so với Bộ Nội vụ giao), trong đó:

a) Khối các sở, ban, ngành: 947 biên chế;

b) Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 851 biên chế.

*(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng biên chế công chức và tinh giản biên chế công chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của

Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và quy định tại các Nghị định: Số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức và số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; để bảo đảm đến hết năm 2021 phải giảm tối thiểu 10% số biên chế công chức của cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh so với số biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao năm 2015.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. HĐND tỉnh giao:

1.1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

1.2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh biên chế công chức đối với những trường hợp phát sinh trong quá trình quản lý, sử dụng biên chế công chức quy định tại Điều 1 Nghị quyết này; kết quả báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp thứ Sáu, thông qua ngày 13/7/2017 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Đỗ Xuân Tuyên**

**Phụ lục**  
**GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2018 TRONG CÁC CƠ QUAN,**  
**TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH HƯNG YÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Stt	Khôi sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Kế hoạch biên chế công chức năm	Tăng/giảm biên chế năm 2018 so với biên chế được giao năm	Ghi chú
-----	---	--	--	---------

		2018	2017		
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>1.798</b>	<b>(2)</b>	<b>29</b>	
<b>I</b>	<b>KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>947</b>	<b>(2)</b>	<b>17</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh</b>				
<b>2</b>	<b>Văn phòng HĐND tỉnh</b>	<b>24</b>		<b>1</b>	
<b>3</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	<b>49</b>	<b>(2)</b>		Tăng 02 do chuyển Phòng KSTTHC và 02 người từ Sở Tư pháp về Văn phòng UBND tỉnh
<b>4</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>70</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	
4.1	<i>Cơ quan sở</i>	39		1	
4.2	<i>Ban Thi đua - Khen thưởng</i>	13		-	
4.3	<i>Ban Tôn giáo</i>	9		-	
4.4	<i>Chi cục Văn thư - Lưu trữ</i>	9		-	
<b>5</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>43</b>		<b>1</b>	
<b>6</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>45</b>		<b>2</b>	
<b>7</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	<b>35</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	
7.1	<i>Cơ quan sở</i>	30		1	
7.2	<i>VP Ban An toàn giao thông</i>	5		-	
<b>8</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>33</b>		<b>1</b>	
<b>9</b>	<b>Sở Công Thương</b>	<b>92</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	
9.1	<i>Cơ quan sở</i>	36		1	
9.2	<i>Chi cục Quản lý thị trường</i>	56		-	
<b>10</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>52</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	
10.1	<i>Cơ quan sở</i>	27		-	

10.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	14		-	
10.3	Chi cục Quản lý đất đai	11		1	
<b>11</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
11.1	Cơ quan sở	27		-	
11.2	Chi cục TCĐL chất lượng	13		-	
<b>12</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>150</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	
12.1	Cơ quan sở	42		-	
12.2	Chi cục Phát triển nông thôn	22		-	
12.3	Chi cục Thủy lợi	9		1	
12.4	Chi cục Kiểm lâm	12		-	
12.5	Chi cục Thủy sản	7		1	
12.6	Chi cục QLCLNLS và thủy sản	12		-	
12.7	Chi cục Thú y	11		-	
12.8	Chi cục Bảo vệ thực vật	12		-	
12.9	Chi cục QLĐĐ và PCLB	16		-	
12.10	VPĐP nông thôn mới tỉnh	7		-	
<b>13</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>22</b>		<b>-</b>	
<b>14</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>46</b>		<b>1</b>	
<b>15</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	<b>32</b>		<b>2</b>	
<b>16</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>62</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	
16.1	Cơ quan sở	27		1	
16.2	Chi cục DS-KHHGD	15		-	
16.3	Chi cục ATVS thực phẩm	20		-	
<b>17</b>	<b>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội</b>	<b>51</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
17.1	Cơ quan sở	43		-	
17.2	Chi cục PC tệ nạn xã hội	8		-	
<b>18</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>30</b>		<b>2</b>	Cắt giảm 02 do chuyển Phòng KSITHC và 02 người từ Sở Tư pháp về Văn

					<i>phòng UBND tỉnh</i>
<b>19</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>34</b>		<b>-</b>	
<b>20</b>	<b>BQL các khu công nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>-</b>	
<b>21</b>	<b>BQL khu đại học Phố Hiến</b>	<b>12</b>		<b>-</b>	
<b>II</b>	<b>KHỐI HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>851</b>	<b>-</b>	<b>12</b>	
<b>1</b>	<b>UBND thành phố Hưng Yên</b>	<b>85</b>		<b>1</b>	
<b>2</b>	<b>UBND huyện Tiên Lữ</b>	<b>85</b>		<b>1</b>	
<b>3</b>	<b>UBND huyện Phù Cù</b>	<b>82</b>		<b>2</b>	
<b>4</b>	<b>UBND huyện Ân Thi</b>	<b>88</b>		<b>2</b>	
<b>5</b>	<b>UBND huyện Kim Động</b>	<b>87</b>		<b>1</b>	
<b>6</b>	<b>UBND huyện Khoái Châu</b>	<b>93</b>		<b>3</b>	
<b>7</b>	<b>UBND huyện Văn Giang</b>	<b>81</b>		<b>-</b>	
<b>8</b>	<b>UBND huyện Văn Lâm</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	
<b>9</b>	<b>UBND huyện Mỹ Hào</b>	<b>82</b>		<b>1</b>	
<b>10</b>	<b>UBND huyện Yên Mỹ</b>	<b>88</b>		<b>1</b>	